

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ CÁC MÔ HÌNH CANH TÁC TRÊN NỀN ĐẤT LÚA VÙNG NGỌT HÓA GÒ CÔNG, TIỀN GIANG

Nguyễn Duy Cần¹, Trần Hữu Phúc¹ và Nguyễn Văn Khang²

ABSTRACT

An on-farm study conducted in four districts Cho Gao, Go Cong Dong and Go Cong Tay aimed to determine suitable farming systems with high economic return for the fresh-water zone of Go Cong island. Participatory Rural Appraisal (PRA) exercises combined with farm monitoring involved in 28 farming households were applied during the period of 2006-2007. Results from the farm monitoring showed that all investigated farming systems had high economic return, the average net return of 1 rice-2 upland crops system was highest (46 million VND/ha/year), the next was 2 rice – upland crop system (35,6 million VND/ha/year). The 3 rice crop system gained the highest ratio of net return and total costs (1,24), following was 1 rice - 2 upland crop system (1,2) and 2 rice – upland crop system (1,03). In term of high economic return, the three systems were recommended for the fresh water zone of Go Cong as 1 rice – 2 upland crop; 2 rice – upland crop; and 3 rice crop with high quality.

Keywords: *rice-based farming system, farming system, economic return.*

Title: *An assessment on economic return of rice-based farming systems in the fresh water zone of Go Cong - Tien Giang*

TÓM TẮT

Nhằm xác định các mô hình canh tác phù hợp đem lại hiệu quả kinh tế cao ở vùng ngọt hóa Gò Công, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát PRA tại huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây và Gò Công Đông để xác định các mô hình triển vọng tại các tiểu vùng sinh thái của vùng ngọt hóa. Hai mươi tám nông dân được chọn để theo dõi và đánh giá hiệu quả kinh tế trong 2 năm 2006-2007. Kết quả theo dõi qua hai năm (2006-2007) cho thấy các mô hình sản xuất đều đem lại nhuận cao, trung bình lợi nhuận mô hình 1 lúa - 2 màu là cao nhất (46 triệu/ha/năm), kế đến là mô hình 2 lúa - màu (35,6 triệu/ha/năm). Hiệu quả sử dụng đồng vốn cao nhất ở mô hình 3 vụ lúa (1,24), kế đến là mô hình 1 lúa - 2 màu (1,1) và mô hình 2 lúa - màu (1,03). Về mặt hiệu quả kinh tế cao, 3 mô hình được khuyến cáo cho vùng ngọt hóa Gò Công là 1 lúa - 2 màu; 2 lúa - màu và 3 vụ lúa chất lượng cao.

Từ khóa: *Mô hình canh tác trên nền lúa, mô hình canh tác, hiệu quả kinh tế.*

1 MỞ ĐẦU

Vùng "ngọt hoá Gò Công" bao gồm các huyện Gò Công Đông, Gò Công Tây, Thị xã Gò Công và Chợ Gạo thuộc tỉnh Tiền Giang. Vùng này nằm về phía Đông của tỉnh, nơi có các nhánh sông của hệ thống sông Tiền chảy qua. Từ năm 1983 dự án "ngọt hóa Gò Công" do chính phủ đầu tư đã được thực hiện nhằm ngăn mặn giữ

¹ Viện NCPT ĐBSCL - Đại học Cần Thơ

² Sở Nông Nghiệp và PTNT Tiền Giang

ngọt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ở vùng này (Phân Viện KSTKTL Nam Bộ, 1983). Trong khoảng hơn 20 năm qua vùng này đã có những biến đổi đáng kể, đa dạng về sản xuất, thu nhập và đời sống của nông dân tăng lên (Bộ NN&PTNT, 2004). Bên cạnh những thành quả đạt được, nông nghiệp nơi đây cũng còn gặp không ít khó khăn, hệ thống thủy lợi xuống cấp đã ảnh hưởng đến sản xuất, nông dân chưa phát huy hết lợi thế của từng tiểu vùng, môi trường ô nhiễm, thị trường cho sản phẩm bấp bênh, sản xuất của nông dân thiếu định hướng và đối mặt với nhiều rủi ro (Khang, 2004; Hải, 2004). Bài báo cáo này phân tích và đánh giá về khía cạnh kinh tế của các mô hình canh tác hiện hữu ở vùng ngọt hóa Gò Công nhằm đưa ra khuyến cáo về các mô hình phù hợp để giúp nông dân hạn chế rủi ro và cải thiện thu nhập.

2 PHƯƠNG PHÁP

Nghiên cứu này được thực hiện theo một tiến trình gồm 3 bước nghiên cứu: (1) xác định điểm nghiên cứu và tiểu vùng sinh thái, (2) khảo sát xác định các mô hình canh tác triển vọng và (3) thử nghiệm theo dõi các mô hình triển vọng và đánh giá. Tóm tắt các bước nghiên cứu như sau:

Bước 1: Xác định điểm nghiên cứu và tiểu vùng sinh thái vùng ngọt hóa

- Sử dụng số liệu thứ cấp và thu thập các thông tin vùng ngọt hoá Gò Công từ những năm 1990 trở lại đây: chế độ nước, lượng mưa, các bản đồ có liên quan của vùng, diễn biến hiện trạng các mô hình canh tác, diễn biến nguồn lực nông hộ (phần trăm nông hộ giàu nghèo qua các năm), lịch thời vụ, định hướng phát triển của tỉnh và địa phương.
- Dựa vào nguồn thông tin thứ cấp, nhóm nghiên cứu liên ngành đi khảo sát thực địa để xác định các tiểu vùng sinh thái của vùng ngọt hóa.

Bước 2: Khảo sát xác định mô hình triển vọng cần nghiên cứu

Dựa vào kết quả phân vùng sinh thái, tiến hành khảo sát PRA (Đánh giá nông thôn có sự tham gia) tại các tiểu vùng sinh thái đại diện thuộc ba huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây và Gò Công Đông. Các công cụ PRA sử dụng bao gồm: phân loại giàu - nghèo (phân tích nguồn lực nông hộ), phân tích lịch sử và xu hướng phát triển, phân tích khó khăn và cơ hội trong sản xuất và đời sống, lịch mùa vụ cây trồng, vật nuôi và các hoạt động khác nhằm đánh giá một cách định tính về:

- Điều kiện kinh tế xã hội và đời sống nông dân: cơ sở hạ tầng, dân cư, nguồn thu nhập, chính sách hỗ trợ dịch vụ;
- Điều kiện tự nhiên đất, nước, chế độ thủy văn, tình hình thiếu nước ngọt, hiện trạng sử dụng đất ở vùng nghiên cứu;
- Số liệu về cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật được nông dân áp dụng;
- Xác định các mô hình canh tác có triển vọng.

Bước 3: Thử nghiệm theo dõi các mô hình triển vọng

Từ kết quả đạt được của các bước trên, tiến hành chọn điểm thử nghiệm các mô hình tiêu biểu. Có 28 hộ nông dân được chọn tham gia thực nghiệm mô hình và

theo dõi ghi chép số liệu (mỗi mô hình có 2 nông hộ thực nghiệm). Các mô hình triển vọng được thử nghiệm bao gồm:

- Chợ Gạo có 3 mô hình được thử nghiệm: 3 Lúa, 2 Lúa - 1 màu và 1 Lúa - 2 màu.
- Gò Công Tây có 7 mô hình được thử nghiệm ở 2 xã (tiểu vùng sinh thái) khác nhau: (1) xã Thạnh Nhứt có 4 mô hình: 3 Lúa, 2 Lúa - 1 màu, 1 Lúa - 2 màu và Lúa-cá; (2) xã Long Vĩnh có 3 mô hình: 3 Lúa, 2 Lúa - 1 màu và 1 Lúa - 2 màu.
- Gò Công Đông: có 4 mô hình: có các mô hình: 3 Lúa, 2 Lúa - 1 màu, 1 Lúa - 2 màu và Lúa cá.

Bảng 1 trình bày các mô hình triển vọng được khảo nghiệm và theo dõi tại các vùng nghiên cứu với sự hợp tác của nông dân. Nông dân được chọn quản lý, theo dõi và ghi chép số liệu là những hộ ham thích nghiên cứu và đã thực hiện mô hình canh tác này ít nhất 1 năm và tiếp tục thực hiện.

Bảng 1: Tổng số mô hình canh tác theo dõi theo huyện, 2006

Mô Hình	Chợ Gạo	Gò Công Tây	Gò Công Đông	Tổng
3 lúa	2	4	2	8
2 lúa - màu	2	4	2	8
1 lúa - 2 màu	2	4	2	8
Lúa - cá	0	2	2	4

3 KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Tổng quan vùng nghiên cứu

3.1.1 Huyện Gò Công Tây

Huyện Gò Công Tây có tổng diện tích đất tự nhiên là 27.230 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp chiếm 21.008 ha. Năm 2005, diện tích trồng lúa của huyện là 14.156 ha, cây màu là 248 ha, và diện tích đất vườn là 2170 ha. Dân số của huyện (2005) là 173.218 người, trong đó dân số nông nghiệp là 159.773 người với số hộ là 30.112 hộ. Các hệ thống canh tác hiện tại và triển vọng bao gồm: 3 vụ lúa đặc sản (2 vụ đặc sản, 1 vụ lúa thường); 2 lúa - màu (dưa hấu HT/TĐ); 1 lúa - 2 màu (lúa ĐX - dưa HT - bắp TĐ); 3 lúa + cá (vùng trũng). Chăn nuôi chủ yếu heo, bò, gà. Nguồn thu nhập của nông dân thay đổi rất lớn theo thời gian. Thu nhập từ lúa chiếm 50% tổng thu nhập, trong khi các nguồn thu nhập khác dưới 30%, trong đó thu nhập từ chăn nuôi, trồng màu có xu hướng tăng theo thời gian và thu nhập từ làm thuê, dịch vụ mua bán giảm. Những hạn chế chính về sản xuất của vùng này bao gồm: Đầu ra sản phẩm không ổn định; Chi phí sản xuất cao (giá vật tư, đầu tư cao); và Chính sách vay vốn còn hạn chế cho một số đối tượng.

3.1.2 Huyện Gò Công Đông

Huyện Gò Công Đông có tổng diện tích đất tự nhiên là 35.776 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 24.370 ha. Năm 2005, diện tích trồng lúa của huyện là 16.262 ha, diện tích (gieo trồng) cây màu là 7600 ha, và diện tích đất vườn là 2100

ha. Dân số của huyện (2005) là 195.310 người, trong đó dân số nông nghiệp là 146.334 người. Các hệ thống canh tác hiện tại và triển vọng gồm: hệ thống 3 vụ lúa; 2 lúa - màu (dưa hấu); 2 lúa; chuyên màu (Cải tiều sậy, củ cải trắng, rau cần, cà chua); và Lúa - cá (Tân Đông, Kiên Phước). Chăn nuôi chủ yếu heo, bò, dê. Nguồn thu nhập chính thay đổi lớn theo thời gian, thu nhập từ lúa, màu có xu hướng giảm, trong khi thu nhập từ chăn nuôi và thủy sản có xu hướng gia tăng. Những hạn chế chính về sản xuất nông nghiệp ở vùng này bao gồm: Đất nhiễm phèn, mặn (Phước Trung, Bình Đông); nguồn nước bị ô nhiễm (tháng 3-5 nước lợ/mặn); và năng suất cây trồng thấp.

3.1.3 Huyện Chợ Gạo

Các hệ thống canh tác nổi bật ở Chợ Gạo bao gồm: Hệ thống 3 vụ lúa (4000 ha); 2 lúa - màu; 1 lúa - 2 màu; và chuyên màu (bắp, hoa huệ, măng tây, bắp cải, ớt, dưa, cà chua). Chăn nuôi chủ yếu là nuôi heo (102.000 con), bò, gà, vịt. Canh tác vườn chủ yếu là vườn dứa (2050 ha), vườn dứa + ca cao (hiện tại 400 ha và theo kế hoạch sẽ tăng lên 1500 ha năm 2010). Các nguồn thu nhập chính cũng thay đổi đáng kể theo thời gian. Thu nhập từ lúa, chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp (TTCN) duy trì ở mức 60%, 30% và 5%, tương ứng. Những hạn chế chính trong sản xuất ở vùng này bao gồm: Đầu ra sản phẩm không ổn định (thị trường chủ yếu TP HCM) và chi phí sản xuất cao (giá vật tư, đầu tư cao).

3.2 Phân tích hiệu quả kinh tế của các mô hình canh tác

Có 4 mô hình canh tác triển vọng được thử nghiệm ở 3 vùng nghiên cứu thuộc Gò Công Đông, Gò Công Tây và Chợ Gạo (Mô hình 3 Lúa, 2 Lúa - 1 màu, 1 Lúa - 2 màu và Lúa - cá). Bảng 2 trình bày kết quả phân tích tổng hợp trong năm 2006 dựa trên các ghi chép thí nghiệm các mô hình với sự tham gia của nông dân.

Bảng 2: Trung bình tổng thu, chi, lời (1000 đồng/ha) theo các mô hình canh tác trong năm 2006

Hạng mục	3 Lúa	2 Lúa - màu	1 Lúa - 2 màu	Lúa - cá
Chi (1000 đ/ha)	21.113	32.362	38.942	25.676
Thu (1000 đ/ha)	38.431	66.437	83.034	46.905
Lời (1000 đ/ha)	17.318	34.075	44.092	21.230
lời/vốn	0,84	1,1	1,05	0,99
Sức SX (tấn lúa/ha)	14,51	23,34	31,06	17,47
TB diện tích (ha)	0,78	0,40	0,40	0,50
Số mẫu (n)	8	8	8	4

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy vốn đầu tư của các mô hình 3 Lúa, lúa - cá, 2 Lúa - 1 màu và 1 Lúa - 2 màu theo thứ tự tăng dần. Khi vốn đầu tư tăng thì tổng thu cũng tăng theo và lợi nhuận thu được cũng tăng. Điều này cho thấy vốn đầu tư rất quan trọng để phát triển các mô hình canh tác trên và tương quan thuận với lợi nhuận. Xét về mặt lợi nhuận, 2 mô hình cho lợi nhuận cao nhất là mô hình 1 Lúa - 2 màu (44 triệu đồng/ha/năm) và mô hình 2 Lúa - 1 màu (34 triệu đồng/ha/năm). Tuy nhiên, khi xét trên hiệu quả đồng vốn thì mô hình 2 lúa - 1 màu có hệ số sinh lời cao nhất. Điều này dẫn đến hiệu quả đồng vốn cao nhất khi đầu tư vào mô hình này. Bảng 5 cũng cho thấy diện tích trung bình các mô hình có khác nhau. Nhóm

nông dân đất nhiều thì thường sản xuất lúa, trong khi nhóm nông dân có đất ít thì thường chọn mô hình lúa - màu. Theo đánh giá của nông dân việc sản xuất lúa trong mô hình lúa màu thì thu nhập từ lúa mang lại rất thấp so với thu nhập từ màu. Nhưng lợi ích về mặt sinh thái là rất lớn, chính việc luân canh sẽ hạn chế được mầm bệnh và cải tạo được nguồn dinh dưỡng trong đất nên giúp tăng hiệu quả cho mô hình. Sản xuất của mô hình 1 Lúa - 2 màu là cao nhất (31 tấn lúa/ha/năm) so với các mô hình 2 Lúa - màu, Lúa - cá, và 3 vụ lúa luân lượt là 23 tấn lúa/ha/năm, 17 tấn lúa/ha/năm, và 14,5 tấn lúa/ha/năm.

Tương tự, kết quả phân tích tổng hợp về hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác năm 2007 cho thấy lợi nhuận trung bình của mô hình 2 lúa - 1 màu là cao nhất (46,15 triệu/ha) so với 3 mô hình còn lại (Bảng 3). Tổng chi phí đầu tư và tổng thu nhập của mô hình này (38,35 triệu và 80,53 triệu/ha) cũng cao hơn so với các mô hình khác. Lợi nhuận trung bình và thu nhập trung bình của 3 vụ lúa thấp hơn các mô hình lúa kết hợp màu, nhưng mô hình 3 lúa có tỷ lệ lời/vốn cao hơn. Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế của mô hình lúa - cá thấp hơn so với các mô hình khác, điều này cho thấy mô hình lúa - cá không hiệu quả về mặt kinh tế ở vùng này và cũng phù hợp với kết quả của các nghiên cứu trước đây, năng suất và hiệu quả kinh tế của mô hình lúa - cá thấp hơn là do một phần diện tích đất mất đi do xây dựng mương bờ.

Bảng 3: Trung bình tổng thu, tổng chi và lời của các mô hình canh tác năm 2007 (1000 đồng/ha)

Hạng mục/Mô hình	3 lúa	2 lúa - 1 màu	1 lúa - 2 màu	Lúa - cá
Tổng chi (1000 đ/ha)	20.499	38.353	34.575	17.076
Tổng thu (1000 đ/ha)	57.359	80.533	72.797	34.815
Lợi nhuận (1000 đ/ha)	38.564	46.145	41.472	17.813
Lời/vốn	1,88	1,20	1,20	1,04
Sức SX lúa (tấn /ha)	20,49	28,76	27,71	12,43
TB diện tích (ha)	0,66	0,40	0,61	0,53
Số mô hình	15	9	9	4

Bảng 4 trình bày phân tích kinh tế từng phần các mô hình canh tác năm 2006 theo vùng sinh thái cho thấy mô hình 1 Lúa - 2 màu tại Chợ Gạo có sức sản xuất của cao nhất (37,27 tấn lúa/ha/năm). Một cách tương ứng, mô hình này cũng cho lợi nhuận và hiệu quả đồng vốn cao nhất (tỷ lệ lời/vốn là 1,15), kế đến là mô hình 2 Lúa - 1 màu (lời/vốn là 0,80) và mô hình 3 lúa (lời/vốn là 0,63). Điều này cho thấy tại khu vực này mô hình 1 Lúa - 2 màu đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Ở Gò Công Tây, mô hình 1 Lúa - 2 màu có sức sản xuất cao nhất (37,36 tấn lúa/ha/năm). Mô hình này cũng cho lợi nhuận cao nhất (55,7 triệu/ha/năm), kế đến là mô hình 2 Lúa - 1 màu, Lúa - cá và 3 Lúa. Khi xét về hiệu quả đồng vốn thì cả 2 mô hình lúa - màu cho hiệu quả đồng vốn cao nhất (tỷ lệ lời/vốn 1,14). Điều này cho thấy vùng Gò Công Tây hệ thống canh tác lúa - màu là thích hợp nhất. Ở Gò Công Đông, mô hình lúa - màu cũng cho lợi nhuận/ha cao hơn những mô hình khác. Nhưng xét về hiệu quả đồng vốn thì mô hình lúa - màu cho hiệu thấp nhất so với những mô hình khác do phải đầu tư cao. Gò Công Đông nằm ở vùng cuối của vùng ngọt hoá nên chịu ảnh hưởng bởi phèn, mặn nên năng suất cây màu không cao. Mặt khác vùng

này nằm xa trung tâm tỉnh, thành phố nên việc vận chuyển rau màu đến các trung tâm phân phối tốn nhiều chi phí. Cũng chính vì vậy mà mô hình canh tác lúa-cá đã phát huy được lợi thế ở đây. Tỷ lệ lời/vốn của mô hình lúa - cá là 1,16, kế đến là mô hình 3 Lúa (1,03), 1 Lúa - 2 màu (0,97) và 2 Lúa - 1 màu (0,95). Do đặc thù vùng Gò Công Đông có nhiều cửa sông lớn nên việc đánh bắt cá tự nhiên thuận lợi, số lượng nhiều, giá bán rẻ và thường sử dụng như là phụ phẩm cho chăn nuôi. Điều này đã giúp việc nuôi cá đem lại lợi nhuận cao.

Bảng 4: Phân tích kinh tế từng phần các mô hình canh tác theo vùng sinh thái 2006 (đồng/ha)

Mô hình	Diện tích (m ²)	Sức SX qui lúa (t/ha)	Tổng chi (đ/ha)	Tổng thu (đ/ha)	Lời (đ/ha)	Lời/vốn
Chợ Gạo						
3 Lúa	5.150	13,11	21.319.806	34.721.802	13.401.996	0,63
2 Lúa-1 màu	1.750	27,82	39.985.000	71.530.000	31.545.000	0,80
1 Lúa-2 màu	3.900	37,27	47.654.191	103.412.308	55.758.117	1,15
Gò Công Tây						
3 Lúa	5.625	14,39	20.969.583	37.933.833	16.964.250	0,84
2 Lúa-1 màu	4.500	24,40	29.972.175	63.453.746	33.481.571	1,14
1 Lúa-2 màu	3.250	37,36	44.849.667	97.700.000	52.850.333	1,14
Lúa-cá	3.000	19,82	31.742.639	55.958.333	24.215.694	0,82
Gò Công Đông						
3 Lúa	12.600	16,14	21.194.019	43.136.058	21.942.038	1,03
2 Lúa-1 màu	3.750	16,76	22.632.489	46.660.909	24.028.420	0,95
1 Lúa-2 màu	3.750	28,47	34.963.000	75.624.000	40.661.000	0,97
Lúa-cá	6.750	15,12	19.608.595	37.852.381	18.243.786	1,16

Kết quả phân tích kinh tế các mô hình canh tác năm 2007 cho thấy hiệu quả kinh tế tính trên 1 ha của mô hình 1 lúa - 2 màu tại Chợ Gạo khá cao với lợi nhuận trung bình là 72 triệu/ha/năm, tỷ số lời/vốn cao hơn các mô hình khác. Sức sản xuất qui ra lúa tính trên 1 ha của mô hình trong cả năm đạt 35,23 tấn/ha (tính trên giá lúa trung bình trong cả năm là 3200 đồng/kg). Ở Gò Công Tây, hiệu quả kinh tế tính trên 1ha của các mô hình theo dõi trong năm 2007 cho thấy lợi nhuận của mô hình 3 lúa và 2 lúa - 1 màu tương đương nhau (khoảng 41-43 triệu/ha) và tỷ suất lời/vốn lần lượt là 1,86 và 1,12. Tổng thu nhập/ha của hai mô hình này khá cao (64-82 triệu đồng/ha). Mô hình 1 lúa - 2 màu có lợi nhuận đạt 29,8 triệu/ha thấp hơn so với 3 lúa và 2 lúa - 1 màu cả về lợi nhuận và hiệu quả sử dụng đồng vốn. Ở Gò Công Đông, khi tính hiệu quả kinh tế tính trên 1 ha các mô hình theo dõi cho thấy lợi nhuận từ mô hình 3 lúa đạt cao nhất (36,7 triệu/ha), hiệu quả đồng vốn là 1,97. Lợi nhuận của hai mô hình 1 lúa - 2 màu và 2 lúa - 1 màu cũng khá cao (khoảng 26-32 triệu/ha), trong khi đó sức sản xuất qui lúa tính trên 1 ha của mô hình 2 lúa-1 màu cao gấp 2 lần mô hình 1 lúa - 2 màu. Mô hình lúa - cá cho hiệu quả kinh tế thấp nhất (10 triệu/ha) và tỷ suất lời/vốn thấp cũng thấp nhất (0,6) (Bảng 5).

Bảng 5: Phân tích kinh tế từng phần các mô hình canh tác theo vùng sinh thái năm 2007 (đồng/ha)

Mô hình/huyện	Diện tích (ha)	Sức SX qui lúa (t/ha)	Tổng chi (đ/ha)	Tổng thu (đ/ha)	Lời (đ/ha)	Lời/vốn
Chợ Gạo						
3 Lúa	0,52	14,11	20.996.53	45.140.81	24.144.28	1,15
2 Lúa - 1 màu	0,25	30,36	48.142.17	97.150.00	49.007.83	1,02
1 Lúa - 2 màu	0,33	35,23	41.381.80	112.749.66	71.367.86	1,72
Gò Công Tây						
3 Lúa	0,59	20,04	22.438.19	64.121.85	41.683.66	1,86
2 Lúa - 1 màu	0,46	25,70	38.772.43	82.243.73	43.471.30	1,12
1 Lúa - 2 màu	0,58	20,52	35.829.46	65.654.22	29.824.76	0,83
Lúa - cá	0,35	12,80	16.205.42	40.960.00	24.754.58	1,53
Gò Công Đông						
3 Lúa	0,80	17,08	18.395.94	54.669.11	36.273.18	1,97
2 Lúa - 1 màu	0,46	25,70	27.515.15	59.639.69	32.124.53	1,17
1 Lúa - 2 màu	0,96	15,85	24.629.83	50.704.00	26.074.17	1,06
Lúa - cá	0,70	8,96	17.947.57	28.669.29	10.721.71	0,60

Bảng 6 trình bày phân tích tổng hợp hiệu quả kinh tế qua hai năm theo dõi 2006 và 2007 của các mô hình triển vọng. Kết quả cho thấy ở Chợ Gạo, mô hình 1 lúa - 2 màu cho lợi nhuận trung bình 2 năm cao nhất (63,5 triệu/ha) và hiệu quả sử dụng đồng vốn là 1,44. Sức sản xuất qui ra lúa của mô hình này là 36,3 tấn/ha, cao hơn gấp 2,5 lần so với mô hình 3 lúa ở cùng địa phương. Kế đến mô hình 2 lúa - 1 màu cho lợi nhuận trung bình khá cao (40,2 triệu/ha), tỷ lệ lời/vốn là 0,91 qua 2 năm theo dõi. Mô hình 3 vụ lúa cho lợi nhuận không cao hơn các mô hình khác qua hai năm theo dõi. Điều này khẳng định sản xuất lúa 3 vụ tại Chợ Gạo về mặt kinh tế có lợi nhuận thấp hơn so với các mô hình khác. Tương tự, ở Gò Công Tây, lợi nhuận trung bình qua hai năm của mô hình 3 vụ lúa là 29,3 triệu/ha, thấp hơn các mô hình lúa - màu, nhưng cao hơn mô hình lúa - cá (24,5 triệu/ha). Lợi nhuận của mô hình 1 lúa - 2 màu cao nhất (41 triệu/ha) nhưng tỷ lệ lời/vốn thấp (0,99), trong khi mô hình 3 lúa có tỷ lệ lời/vốn cao hơn (1,35). Sức sản xuất qui ra lúa của mô hình 1 lúa - 2 màu cao nhất (28,9 tấn/ha/năm), trong khi đó các mô hình khác biến thiên từ 16-25 tấn/ha/năm. Ở Gò Công Đông, mô hình 1 lúa - 2 màu cho lợi nhuận trung bình 2 năm cao nhất (33,3 triệu/ha). Kế đến là mô hình 2 lúa - 1 màu và 3 lúa cho lợi nhuận tương đương nhau (28-29 triệu/ha), và mô hình 3 lúa cho tỷ lệ lời/vốn cao nhất (1,5). Nhìn chung, mô hình lúa - màu cho hiệu quả kinh tế cao nhưng mức độ phổ biến ở Gò Công Đông thấp do điều kiện nước tưới bị giới hạn, trong khi mô hình 3 lúa là phổ biến nhất.

Bảng 6: Hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác trung bình 2 năm (2006 và 2007) (1000 đồng/ha)

Mô hình/huyện	Diện tích (ha)	Sức SX qui lúa (t/ha)	Tổng chi (đ/ha)	Tổng thu (đ/ha)	Lời (đ/ha)	Lời/vốn
Chợ Gạo						
3 Lúa	0,515	13,6	21.158,2	39.931,3	18.773,1	0,89
2 Lúa - 1 màu	0,175	29,1	44.063,6	84.340,0	40.276,4	0,91
1 Lúa - 2 màu	0,39	36,3	44.518,0	108.081,0	63.563,0	1,44
Gò Công Tây						
3 Lúa	0,563	17,2	21.703,9	51.027,8	29.324,0	1,35
2 Lúa - 1 màu	0,45	25,1	34.372,3	72.848,8	38.476,5	1,13
1 Lúa - 2 màu	0,325	28,9	40.339,6	81.677,1	41.337,5	0,99
Lúa - cá	0,3	16,3	23.974,0	48.459,2	24.485,1	1,18
Gò Công Đông						
3 Lúa	1,26	16,6	19.795,0	48.902,6	29.107,6	1,50
2 Lúa - 1 màu	0,375	21,2	25.073,8	53.150,3	28.076,5	1,06
1 Lúa - 2 màu	0,375	22,2	29.796,4	63.164,0	33.367,6	1,02
Lúa - cá	0,675	12,0	18.778,1	33.260,8	14.482,8	0,88

3.2 Thu nhập của nông hộ

Các hoạt động sản xuất của nông hộ vùng nghiên cứu bao gồm sản xuất nông nghiệp (lúa, màu), làm vườn, nuôi thủy sản, chăn nuôi và các hoạt động phi nông nghiệp khác. Bảng 7 trình bày tổng thu nhập ròng từ các hoạt động chính yếu của nông hộ năm 2006. Bình quân thu nhập ròng của mỗi hộ/năm là 31.6 triệu đồng. Khi xét theo vùng thì thu nhập của nông hộ/năm ở Chợ Gạo là cao nhất (38.6 triệu đồng/hộ/năm), kế đến là Gò Công Tây (33.4 triệu đồng) và Gò Công Đông (22.9 triệu đồng). Thu nhập ròng của nông hộ vùng Chợ Gạo cao nhờ vào các hoạt động đa dạng phi nông nghiệp, trong khi thu nhập từ các hoạt động sản xuất thì thấp hơn so với các điểm Gò Công Tây và Gò Công Đông. Sản xuất nông nghiệp là nguồn thu nhập chính yếu và chiếm tỷ trọng rất lớn (65%) so với các nguồn thu nhập khác, ở Gò Công Đông thu nhập từ hoạt động này chiếm tỷ trọng 90%, Gò Công Tây là 64% và Chợ Gạo là 40%.

Bảng 7: Tổng thu nhập ròng từ các hoạt động của nông hộ theo huyện năm 2006 (đồng/ hộ).

Hạng mục	Chợ Gạo	Gò Công Tây	Gò Công Đông	Trung bình
SXNN (lúa, màu)	15.564.870	21.474.557	20.823.365	19.287.597
Cây ăn trái	6.413.333	1.324.071	831.250	2.856.218
Thủy sản	-	1.648.571	-	549.524
Chăn nuôi	3.049.333	4.075.000	808.750	2.644.361
Phi nông nghiệp	13.523.333	4.895.714	475.000	6.298.016
Tổng	38.550.870	33.417.914	22.938.365	31.635.716

Bảng 8 trình bày cơ cấu các nguồn thu nhập và tích lũy của nông hộ làm thí nghiệm năm 2007. Tích lũy thu nhập trung bình của hộ là hơn 38 triệu. trong đó thu nhập từ lúa và màu chiếm hơn 57% và tích lũy từ chăn nuôi và ngành nghề phi nông nghiệp và dịch vụ chiếm 12.9 và 16.4 % tổng tích lũy nông hộ. So với năm 2006 thì tích lũy từ các hoạt động chăn nuôi và phi nông nghiệp tăng hơn. So sánh nguồn tích lũy của các nông dân thuộc các huyện cho thấy ở Chợ Gạo tích lũy từ sản xuất lúa và màu chiếm 40.4% trong khi đó tích lũy trung bình nguồn phi nông nghiệp là hơn 28% (12.09 triệu đồng/năm). Ở Gò Công Đông. tích lũy từ hoạt động sản xuất lúa và màu chiếm tỷ lệ cao nhất (khoảng 83.6%). trong khi phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ rất nhỏ (khoảng 2.4%). Điều này cho thấy sản xuất lúa giữ vai trò quan trọng trong thu nhập của nông dân. trong khi đó các hoạt động phi nông nghiệp và dịch vụ đóng góp không đáng kể vào thu nhập tích lũy của nông hộ.

Bảng 8: Nguồn thu nhập và tích lũy của nông hộ phân theo địa phương năm 2007 (x 1000đ)

Nguồn thu	Chợ Gạo	Gò Công Tây	Gò Công Đông	Trung bình
Tổng	42.452	37.717	36.192	38.787
Lúa và màu	17.149(40.4)	20.009 (53.1)	30.257 (83.6)	22.472 (57.9)
Cây ăn trái	4.568 (10.8)	1.556 (4.1)	1.220 (3.4)	2.448 (6.3)
Thủy sản	3.773 (8.9)	2.285 (6.1)	1.277 (3.5)	2.445 (6.3)
Chăn nuôi	4.872 (11.5)	7.700 (20.4)	2.547 (7.0)	5.039 (12.9)
Phi NN	12.090 (28.5)	6.167 (16.4)	891 (2.5)	6.383 (16.5)

(*) Số trong ngoặc in nghiêng là tỷ lệ phần trăm (%)

Thảo luận

Xét về khía cạnh kinh tế. cả hai mô hình 1 Lúa - 2 màu và 2 Lúa - màu đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất. Tuy nhiên hệ thống canh tác này đòi hỏi nhiều lao động. lao động chuyên nghiệp tay nghề cao (kinh nghiệm trồng hoa màu). Do vậy. hệ thống canh tác này chỉ áp dụng ở những hộ có điều kiện. có lao động và kinh nghiệm. diện tích đất ít. Thêm nữa. việc áp dụng các mô hình kết hợp lúa - màu cũng bị ảnh hưởng bởi thị trường. trong khi giá cả các loại cây màu dễ biến động và bấp bênh.

Mô hình 3 vụ lúa tuy lợi nhuận thấp hơn nhưng dễ áp dụng. là mô hình truyền thống và là lựa chọn trước tiên của nông dân trong sản xuất của nông hộ. Hiện tại. giá lúa gạo gia tăng cũng là yếu tố làm duy trì và phát triển mô hình 3 vụ lúa. Tuy nhiên. giá lúa gạo đồng thời giá cả vật tư phân bón. thuốc trừ sâu bệnh. lao động cũng tăng theo nên lợi nhuận từ sản xuất thấp. Tính bình quân giai đoạn từ 2000-2006. giá lúa tăng 1.9 lần so với năm 2000. trong khi đó gia tăng về giá vật tư nông nghiệp (phân bón. thuốc trừ sâu. xăng dầu. lao động) tăng từ 3.0 đến 3.5 lần. Điều này cho thấy xu hướng giá lúa gạo trong tương lai còn tăng cao và cũng kéo theo giá vật tư nông nghiệp cũng tăng cao. Mô hình lúa - cá chỉ phát triển ở vùng có đủ nước ngọt. hộ nông dân có điều kiện về lao động và đầu tư cao. Tuy nhiên. do giá bán cá nuôi không cao nên lợi nhuận từ cá thấp và không hấp dẫn người nuôi. Xét về khía cạnh môi trường. mô hình này không gây ô nhiễm môi trường sản xuất nhờ hạn chế sử dụng thuốc do nuôi cá.

Hiệu quả kinh tế của các mô hình canh tác thay đổi theo vùng sinh thái (địa phương) và theo thời gian. Điều này do nhiều nguyên nhân, giá cả thị trường biến động, sự đầu tư và nguồn lực ở mỗi địa phương khác nhau. Tuy vậy, các mô hình canh tác nghiên cứu có sự ổn định về mặt hiệu quả kinh tế qua 2 năm theo dõi sẽ là những mô hình được khuyến cáo.

4 KẾT LUẬN

Trên đây là kết quả phân tích về hiệu quả kinh tế các mô hình canh tác được thử nghiệm qua 2 năm 2006-2007, và từ kết quả nghiên cứu này chúng tôi có các kết luận như sau:

- Cả 4 mô hình thử nghiệm đều đem lại hiệu quả kinh tế khá cao. Mô hình 1 lúa - 2 màu và 2 lúa - màu cho lợi nhuận cao nhất ở tất cả 3 điểm nghiên cứu.
- Các mô hình canh tác kết hợp cho hiệu quả kinh tế cao hơn độc canh lúa. Mô hình 1 lúa - 2 màu ở Chợ Gạo cho hiệu quả kinh tế cao nhất, tương tự ở Gò Công Tây hai mô hình 1 lúa - 2 màu và 2 lúa - màu đều cho hiệu quả kinh tế cao. trong khi đó tại Gò Công Đông mô hình lúa - cá và 3 vụ lúa đặc sản đều cho hiệu quả kinh tế khá.
- Về mặt mang lại hiệu quả kinh tế, có 3 mô hình được khuyến cáo cho vùng ngọt hóa Gò Công là: 1 lúa - 2 màu; 2 lúa - màu; và 3 lúa đặc sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT. 2004. Kỳ yếu Hội nghị tổng kết dự án ngọt hóa Gò Công tỉnh Tiền Giang. Mỹ Tho. 17-06-2004.
- Phân Viện Khảo Sát Thiết Kế Thủy Lợi Nam Bộ. 1983. Luận chứng kinh tế kỹ thuật ngọt hóa khu Gò Công.
- Đặng Kiều Nhân, Nguyễn Ngọc Đệ và Dương Ngọc Thành. 2002. Phân tích một vài khía cạnh về tác động kinh tế - xã hội và môi trường trong sản xuất lúa cao sản ở đồng bằng sông Cửu Long và cơ hội hướng tới sản xuất lúa bền vững. Báo cáo tham gia hội thảo “Tự do hóa thương mại lúa gạo với tác động kinh tế - xã hội và môi trường”. Đại học Huế 8-9/11/2002.
- Huỳnh Phước Hải. 2004. Tình hình thực hiện dự án Ngọt hóa Gò Công (trích yếu). Phòng Kinh tế - Kỹ thuật. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Tiền Giang.
- Nguyễn Văn Khang. 2004. Tham luận Hội nghị tổng kết dự án Ngọt hóa Gò Công trong Hội nghị tổng kết dự án Ngọt hóa Gò Công, do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với UBND tỉnh Tiền Giang tổ chức. Mỹ Tho, ngày 17 tháng 6 năm 2004.